

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Chiến lược công tác dân tộc).

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh, như sau:

I. MỤC TIÊU, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Mục tiêu tổng quát

- Ưu tiên phát triển toàn diện, nhanh, bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS); khai thác tiềm năng, phát huy hiệu quả lợi thế so sánh của vùng, bảo vệ môi trường và không gian sinh sống của đồng bào DTTS.

- Rút ngắn khoảng cách về mức thu nhập giữa vùng đồng bào DTTS so với vùng phát triển.

- Giảm dần số xã, ấp đặc biệt khó khăn, cải thiện rõ rệt đời sống và nâng cao sinh kế của Nhân dân, chú trọng thu hút các nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, kết nối với các vùng phát triển.

- Đẩy mạnh phát triển đồng bộ các lĩnh vực: Giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS bao gồm đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người DTTS.

- Xóa bỏ dần các phong tục tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan, đồng thời bảo tồn, phát huy các bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp, đặc trưng của các dân tộc.

- Tập trung xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần giữ vững chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.

- Củng cố sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2025

- Phần đầu mức thu nhập bình quân của người DTTS tăng trên 2 lần so với năm 2020.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS bình quân 0,4%/năm trở lên theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa; 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 88% đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- Sắp xếp, bố trí ổn định 90% số hộ di cư không theo quy hoạch. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS.

- Tỷ lệ học sinh mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt 99%, học sinh tiểu học đi học đúng độ tuổi đạt 95%, học sinh trung học cơ sở đi học đúng độ tuổi đạt 90%, học sinh trung học phổ thông đi học đúng độ tuổi đạt 60%; người từ 15-60 tuổi đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông đạt 80%.

- Tăng cường công tác y tế để đồng bào DTTS được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào DTTS; 98% đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế. Trên 90% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 10%.

- Có 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS và đặc thù vùng đồng bào DTTS.

- Bảo tồn và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 80% ấp, khu phố có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% ấp, khu phố có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS, nhất là các DTTS tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số là người DTTS ở từng địa phương.

b) Mục tiêu đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP bình quân giai đoạn 2021-2030 (theo giá so sánh năm 2010) đạt 7,0%/năm.

- Thu nhập bình quân người DTTS bằng 1/2 bình quân chung của cả tỉnh; giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 2%. Cơ bản không còn các xã, ấp đặc biệt khó khăn; trên 90% số xã vùng đồng bào DTTS đạt chuẩn nông thôn mới.

- Năng suất lao động xã hội vùng đồng bào DTTS tăng bình quân 6,5%/năm.

- Chỉ số phát triển con người là người DTTS thuộc vùng đồng bào DTTS (HDI) đạt trên 0,69.

- Tuổi thọ trung bình người DTTS đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống

khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm.

- Tỷ lệ người DTTS trong độ tuổi lao động được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện và có thu nhập ổn định đạt 35 - 40%, trong đó có ít nhất 50% là lao động nữ.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào DTTS, hằng năm thu hút 3% lao động sang làm việc các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến năm 2030 có 40% lao động người DTTS biết làm các ngành nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ, trong đó có ít nhất 50% là lao động nữ.

- Trên 95% cán bộ, công chức cấp xã của vùng DTTS có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, trong đó trên 70% có trình độ đại học và trung cấp lý luận chính trị trở lên; trên 90% được bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo 4 nhóm đối tượng.

- Phần đầu có 80% số hộ nông dân người DTTS làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa.

- Xóa tình trạng nhà ở đơn sơ, nhà thiếu kiên cố; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái.

- Trên 85% số xã, ấp vùng đồng bào DTTS có đủ cơ sở hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

- Giải quyết căn bản tình trạng di cư không theo kế hoạch trong đồng bào DTTS. Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ DTTS đang cư trú phân tán.

- Góp phần duy trì và nâng cao tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh đạt tối thiểu 11%.

- Cơ bản hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra trong mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

- Thu nhập bình quân của người DTTS đạt trên 1/2 bình quân chung của cả tỉnh.

- Cơ bản không còn hộ nghèo; người dân được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Các xã, ấp, khu phố vùng đồng bào DTTS có đủ kết cấu hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ đột phá

a) Tiếp tục cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân tộc, chính sách dân tộc; rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào DTTS; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

b) Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp nhằm phát huy lợi thế, tiềm năng, đặc thù của vùng đồng bào DTTS, hướng tới phát triển bền vững và thúc đẩy tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào DTTS trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

c) Về phát triển nguồn nhân lực

- Ưu tiên đào tạo nhân lực chất lượng cao để làm đầu mối dẫn dắt, tập hợp đồng bào DTTS trong tổ chức sản xuất, quản lý xã hội; phát triển nguồn nhân lực có khả năng ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới, kết hợp với phát huy các tri thức bản địa và kinh nghiệm sống, sản xuất của đồng bào trong phát triển kinh tế và giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn xã hội.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang công tác tại vùng đồng bào DTTS, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; trong đó, chú trọng đào tạo, quy hoạch, xây dựng và phát triển tại chỗ đội ngũ cán bộ là người DTTS. Đảm bảo tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số là người DTTS ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị; đặc biệt là tại các cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc.

- Quan tâm tạo nguồn cán bộ, công chức, viên chức nữ là người DTTS; hỗ trợ nâng cao năng lực để đủ điều kiện giới thiệu tham gia các vị trí lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, dạy nghề đối với con em vùng đồng bào DTTS; tập trung đào tạo, bồi dưỡng các chuyên ngành có nhu cầu cấp thiết như: Bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư nông nghiệp, công nghệ thông tin, quản lý văn hóa cơ sở, quản lý kinh tế, tài chính - ngân hàng, quản trị nhân lực, công nghệ thực phẩm,...

d) Phát triển đồng bộ hạ tầng thiết yếu, phục vụ sinh hoạt, sản xuất, giao thương, tăng cường kết nối thị trường, lưu thông hàng hóa bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương vùng đồng bào DTTS. Trong đó, ưu tiên phát triển hệ thống giao thông đường bộ liên tỉnh, liên huyện kết nối với hệ thống đường bộ quốc gia, kết nối liên vùng và liên thông vận tải với nước bạn có chung đường biên giới.

đ) Phát triển mạnh hạ tầng kinh tế số, đẩy mạnh chuyển đổi số vùng đồng bào DTTS; xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia về dân tộc phục vụ công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo của các cơ quan chức năng.

e) Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ; khuyến khích khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đổi mới, sáng tạo, phát minh, sáng chế phù hợp điều kiện đặc thù của các địa phương vùng đồng bào DTTS.

g) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, phổ biến giáo dục pháp luật cho Nhân dân vùng đồng bào DTTS; tăng cường đồng thuận xã hội; củng cố lòng tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước.

2. Nhiệm vụ chủ yếu

2.1. Đổi mới phương thức quản lý nhà nước về công tác dân tộc

Xác định và phân công rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan từ tỉnh đến địa phương trong thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc và các chính sách dân tộc; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công tác dân tộc; đổi mới tổ chức của cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương theo hướng tinh gọn, đồng bộ, thống nhất, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

2.2. Về phát triển kinh tế

Tập trung mọi nguồn lực đầu tư phát triển mạnh kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; chú trọng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân, gắn sản xuất với chế biến, kết nối thị trường, tạo chuỗi giá trị, gia tăng giá trị nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế và phù hợp với đặc thù của các địa phương vùng đồng bào DTTS.

a) Đối với nông nghiệp:

- Phát triển nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị và khả năng cạnh tranh; tập trung triển khai có hiệu quả Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh; chú trọng cơ cấu sản phẩm nông nghiệp theo 3 nhóm sản phẩm chủ lực (quốc gia, cấp tỉnh, đặc sản địa phương) gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), định hướng cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo lĩnh vực và vùng phù hợp với kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025. Đẩy mạnh tái cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường; tái cơ cấu quy mô sản xuất, hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao gắn với liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô lớn gắn với kiểm soát thú y và hoạt động giết mổ tập trung, bảo đảm vệ sinh môi trường; hướng dẫn nông dân chăn nuôi theo hướng VietGAP, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào chăn nuôi rút ngắn thời gian nuôi, giảm chi phí giá thành nuôi, nâng cao hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi.

- Nâng cao năng suất, giá trị trồng rừng; nghiên cứu phát triển trồng tái tạo các loài cây bản địa, góp phần nâng cao độ che phủ rừng và nâng cao chất lượng rừng; hoàn thành giao đất gắn với giao rừng cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình theo quy hoạch được phê duyệt; giải quyết đất ở, đất sản xuất và có chính sách hỗ trợ phù hợp cho hộ đồng bào DTTS và hộ nghèo người dân tộc Kinh sinh sống tại vùng đồng bào DTTS.

b) Đối với công nghiệp - xây dựng:

- Rà soát, quy hoạch hợp lý các ngành công nghiệp, lựa chọn một số ngành, lĩnh vực chủ yếu, có tiềm năng, thế mạnh để ưu tiên phát triển gắn liền với tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng và địa

bản sinh sống của đồng bào DTTS.

- Hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của vùng đồng bào DTTS theo hướng đẩy mạnh liên kết vùng; xây dựng phương án phát triển các Đoàn kinh tế - quốc phòng trên các địa bàn chiến lược, trọng điểm để phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng lưỡng dụng, liên kết với công nghiệp dân sinh.

- Bố trí nguồn lực nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên kiên cố hóa đường giao thông, công trình thủy lợi, chợ, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa; kết nối điện lưới quốc gia tới các hộ gia đình; hoàn thiện kết cấu hạ tầng viễn thông, thông tin, truyền thông phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt.

- Quy hoạch hệ thống đô thị, khu dân cư mới và đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án định canh, định cư, sắp xếp, ổn định dân cư, tiến tới chấm dứt tình trạng di cư tự phát; nâng cao năng lực ngành xây dựng, bảo đảm đủ sức thiết kế, thi công các công trình phù hợp với đặc thù của các địa phương vùng đồng bào DTTS.

c) Đối với thương mại - dịch vụ - du lịch:

- Chú trọng phát triển kinh tế biên mậu với nước Campuchia; khai thác hiệu quả các Hiệp định Thương mại tự do mới ký kết để tăng cường xuất khẩu sang các nước Châu Âu, Châu Mỹ và các thị trường mới, song song với bảo vệ sản xuất, thương hiệu các sản phẩm Việt Nam và lợi ích của người tiêu dùng. Thúc đẩy lưu thông và tiêu thụ hàng hóa nội vùng, liên vùng thông qua hệ thống chợ đầu mối và các hội chợ xúc tiến thương mại. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong phát triển các kênh phân phối và thương mại điện tử; phát triển các mô hình sản xuất, kinh doanh mới, kinh tế chia sẻ phù hợp đặc thù vùng đồng bào DTTS.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng các điểm du lịch đã được duyệt; tích cực kêu gọi đầu tư các khu, tuyến du lịch sinh thái ven biển, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch tâm linh, du lịch thám hiểm,... phát triển nhiều sản phẩm du lịch cấp vùng; khuyến khích phát triển, nâng cao các cơ sở dịch vụ du lịch, chất lượng phục vụ du khách; quản lý, khai thác, tổ chức tốt các dịch vụ du lịch gắn với truyền thống lịch sử - văn hóa địa phương.

2.3. Về phát triển giáo dục - đào tạo

- Phát huy và nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, trong đó, đặc biệt ưu tiên xóa mù chữ cho phụ nữ, trẻ em gái ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đảm bảo tỷ lệ biết chữ cân bằng giữa nam và nữ; thực hiện hiệu quả chính sách cử tuyển đối với học sinh, sinh viên là người DTTS, gắn đào tạo với nhu cầu và khả năng bố trí việc làm tại địa phương.

- Rà soát, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục vùng đồng bào DTTS theo lộ trình hợp lý, bảo đảm quyền lợi học tập của học sinh và đáp ứng nhu cầu phát

triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chú trọng củng cố và phát triển hợp lý số lượng, chất lượng, quy mô các trường phổ thông dân tộc nội trú phù hợp nhu cầu và điều kiện thực tế địa phương.

- Tiếp tục duy trì nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; trẻ mẫu giáo 5 tuổi DTTS được đến trường và được chuẩn bị Tiếng Việt, đủ các điều kiện sẵn sàng vào học lớp 1 cấp tiểu học.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất nhằm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, phát triển tâm vóc đối với trẻ em, học sinh vùng đồng bào DTTS. Dạy song hành tiếng Việt và tiếng DTTS phù hợp với nhu cầu, năng lực và năng khiếu của từng nhóm đối tượng (dạy chính khóa trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên; dạy trong các chùa Khmer dịp hè).

- Tăng cường công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh và nhu cầu lao động tại địa phương; thực hiện cơ chế thu hút sự tham gia của cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tài liệu và đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông và các trung tâm giáo dục thường xuyên.

- Ưu tiên bố trí đủ số lượng, cơ cấu và bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục để đáp ứng yêu cầu về đổi mới giáo dục, đào tạo; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các chính sách giáo dục đối với vùng đồng bào DTTS.

2.4. Về y tế và dân số

- Ưu tiên giải quyết các vấn đề sức khỏe của đồng bào DTTS; tăng cường khả năng tiếp cận cũng như cung cấp dịch vụ y tế, dân số có chất lượng cho đồng bào; giảm gánh nặng chi phí chăm sóc sức khỏe cho người nghèo và đồng bào DTTS. Trong đó, quan tâm thực hiện một số chính sách cụ thể về: Bảo hiểm y tế; nâng cấp hệ thống y tế và phát triển đội ngũ cán bộ y tế cơ sở; tuyên truyền phổ biến chính sách dân số phát triển; chính sách tiêm chủng, dinh dưỡng và an toàn vệ sinh, an toàn thực phẩm,...

- Tăng cường hướng dẫn, truyền thông về bình đẳng giới, tác hại của tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống. Có cơ chế để phụ nữ người DTTS tiếp cận tốt hơn dịch vụ y tế công, dịch vụ y tế thiết yếu và các dịch vụ tư vấn về hôn nhân, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ phụ nữ, trẻ em.

2.5. Về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc

- Thực hiện bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể nhằm tạo ra sự đa dạng trong thống nhất của nền văn hóa Việt Nam; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của các DTTS; giữ gìn, tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp thông qua ngôn ngữ, chữ viết, các ngày lễ, hội, buổi biểu diễn nghệ thuật truyền thống và Tết cổ truyền của đồng bào DTTS.

- Phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân vùng đồng bào DTTS.

2.6. Về quốc phòng - an ninh

- Tập trung tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của đồng bào DTTS để kịp thời nhận diện, chủ động đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa âm mưu, thủ đoạn, hoạt động của các thế lực thù địch nhằm kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kích động tư tưởng ly khai, tự trị dân tộc, bạo loạn, biểu tình, phá rối trật tự, an toàn xã hội.

- Tổ chức tốt công tác nắm tình hình ở cơ sở, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào DTTS, trên cơ sở đó kịp thời tham mưu cho cấp có thẩm quyền giải quyết các tình huống phát sinh, không để hình thành các “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Giải quyết kịp thời những phức tạp liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở vùng đồng bào DTTS, không để kẻ địch và các thế lực phản động lợi dụng kích động quần chúng chống đối với danh nghĩa “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền”. Tiếp tục phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vùng đồng bào DTTS về số lượng, nâng cao về chất lượng, nhất là các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tăng cường phối hợp giữa dân quân tự vệ với lực lượng công an xã, phường, thị trấn và các lực lượng khác trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở, qua đó góp phần xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh Nhân dân, xây dựng thế trận lòng dân vững chắc.

2.7. Về đối ngoại

- Tăng cường công tác đối ngoại để thu hút nguồn lực đầu tư của cộng đồng quốc tế cho vùng đồng bào DTTS; tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng giao lưu với Nhân dân các nước láng giềng.

- Gắn kết đối ngoại quân sự, đối ngoại biên phòng, đối ngoại công an với nước Campuchia, giữ vững an ninh, trật tự tuyến biên giới; phòng, chống tội phạm về ma túy, “buôn người”, phối hợp phòng, chống khủng bố.

- Nâng cao hiệu quả tuyên truyền đối ngoại, góp phần giúp cộng đồng quốc tế hiểu đúng và ủng hộ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta; kịp thời đấu tranh ngăn ngừa những thông tin sai lệch, luận điệu xuyên tạc về công tác dân tộc của Đảng và Nhà nước.

2.8. Củng cố hệ thống chính trị cơ sở

Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, đặc biệt là trên các địa bàn chiến lược, trọng điểm tại khu vực biên giới, vùng căn cứ cách mạng.

3. Giải pháp thực hiện

a) Nâng cao nhận thức về công tác dân tộc

Quán triệt nghiêm túc và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của chính quyền và Nhân dân trong thực hiện công tác dân tộc; hiểu rõ vai trò, vị trí, tiềm năng to lớn của vùng đồng bào DTTS cũng như các chính sách dân tộc nhất quán của

Đảng và Nhà nước, trên cơ sở đó nhận thức đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và chủ động thực hiện hiệu quả Chiến lược công tác dân tộc trong tình hình mới. Chú trọng công tác xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh.

b) Đảm bảo nguồn lực thực hiện Chiến lược công tác dân tộc

- Xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp ưu tiên huy động các nguồn lực (vốn ODA, vốn vay ưu đãi từ các nhà tài trợ nước ngoài) để thực hiện các mục tiêu Chiến lược công tác dân tộc đề ra. Trong đó, kinh phí thực hiện Chiến lược công tác dân tộc được đảm bảo từ ngân sách Nhà nước và huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách ưu đãi để huy động sự tham gia của các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính vi mô trong việc triển khai các gói tín dụng; bảo hiểm vốn đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất, góp phần phát huy ý chí tự lực, tự cường, nỗ lực thoát nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn vùng đồng bào DTTS.

- Đề xuất các chính sách đặc thù để khuyến khích, thu hút và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS.

c) Đổi mới việc xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc

- rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan để đáp ứng yêu cầu phát triển của vùng đồng bào DTTS và nhiệm vụ công tác dân tộc trong giai đoạn mới. Cụ thể hóa Chiến lược công tác dân tộc bằng các chương trình hành động, dự án, kế hoạch triển khai phù hợp với nguồn lực và tình hình thực tế.

- Thực hiện công khai, minh bạch các chương trình, dự án, kế hoạch để người dân và các tổ chức chính trị - xã hội biết, tham gia quản lý, giám sát, góp ý, phản biện xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu của chính sách đã ban hành, tổ chức sơ kết, tổng kết, rút ra các bài học kinh nghiệm để kịp thời sửa đổi, bổ sung chính sách và khắc phục các tồn tại, hạn chế. Phân công nhiệm vụ cụ thể giữa cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp trong việc thực hiện chính sách dân tộc.

d) Kiện toàn bộ máy, đổi mới hoạt động và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc

- Tiếp tục kiện toàn, xây dựng hệ thống tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ tỉnh đến địa phương đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đối với những nơi không thành lập cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc phải bố trí đủ nhân lực cho cơ quan được giao chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

- Xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc các cấp. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và chế độ thông tin, báo cáo về công tác dân tộc từ tỉnh tới cơ sở, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về dân tộc.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong việc tổ chức thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đảm bảo phân công, phân nhiệm rõ ràng, phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức liên quan.

đ) Xây dựng và triển khai thực hiện các đề án, chương trình, chính sách thực hiện Chiến lược công tác dân tộc

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả đề án, chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, cụ thể tập trung thực hiện các đề án, chương trình, chính sách như sau:

+ Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Công văn số 1051-CV/TU ngày 17/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 65-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới.

+ Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 01/9/2018 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư (khóa XII) về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới, trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

+ Kế hoạch số 246/KH-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

+ Quyết định số 3033/QĐ-BGDĐT ngày 30/9/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đối với đồng bào DTTS lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

+ Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện Dự án “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch”; Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt “Đề án bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025”.

+ Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 08/11/2019 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào DTTS phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS Việt Nam giai đoạn 2019-2025” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

+ Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 09/11/2018 của UBND tỉnh về việc bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025 tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 22/11/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS trong thời kỳ mới trên

địa bàn tỉnh Kiên Giang.

+ Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 04/3/2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS” giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

+ Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 04/3/2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025.

- Nghiên cứu, đề xuất một số chính sách mới trên cơ sở tổng kết kết quả thực hiện giai đoạn trước, đảm bảo phù hợp định hướng, chủ trương của Đảng, các chính sách lớn của Nhà nước và tình hình thực tiễn của từng địa phương, dân tộc; tăng cường phân cấp, phân quyền để các địa phương chủ động ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù trong tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Chiến lược công tác dân tộc theo hướng nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu và bền vững.

III. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của các sở, ban, ngành, địa phương; các chương trình, đề án, dự án, liên quan theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

2. Trên cơ sở kế hoạch và tình hình triển khai thực hiện, các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ chủ trì theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, dự toán chi tiết hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh

1.1. Ban Dân tộc tỉnh

- Là cơ quan thường trực, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh đảm bảo mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Căn cứ định hướng của Chiến lược công tác dân tộc, Ban Dân tộc tỉnh hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai Chiến lược công tác dân tộc theo chức năng, thẩm quyền.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện Chiến lược công tác dân tộc, định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức sơ kết tình hình thực hiện Chiến lược công tác dân tộc vào năm 2025 và tổng kết tình hình thực hiện vào năm 2030.

1.2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn



Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ đảm bảo mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược công tác dân tộc; các Chương trình mục tiêu quốc gia; các chính sách hỗ trợ đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh về quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết, phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng miền sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị, đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống vào vùng đồng bào DTTS.

1.3. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ đảm bảo mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược công tác dân tộc; các Chương trình mục tiêu quốc gia; các chính sách hỗ trợ đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh về các hoạt động thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp, thu hút đầu tư, tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ đầu tư điện sản xuất, sinh hoạt, cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vào vùng đồng bào DTTS.

1.4. Sở Văn hóa và Thể thao

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ đảm bảo mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược công tác dân tộc; các Chương trình mục tiêu quốc gia; các chính sách hỗ trợ đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh về khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ văn hóa, hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hóa, thể thao để nâng cao mức thụ hưởng cho đồng bào các DTTS.

1.5. Sở Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ đảm bảo mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược công tác dân tộc; các Chương trình mục tiêu quốc gia; các chính sách hỗ trợ đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh khai thác tiềm năng phát triển du lịch vào vùng đồng bào DTTS gắn với việc phát triển du lịch cộng đồng.

1.6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ đảm bảo mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược công tác dân tộc; các Chương trình mục tiêu quốc gia; các chính sách hỗ trợ đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đầu tư phát triển nâng cao chất lượng các trường phổ thông dân tộc nội trú, nâng cao chất lượng dạy học tiếng dân tộc ở các trường phổ thông tiểu học, trung học cơ sở vùng đồng bào DTTS. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên là người DTTS đáp ứng yêu cầu phát triển ở

vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn.

1.7. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ đảm bảo mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược công tác dân tộc; các Chương trình mục tiêu quốc gia; các chính sách hỗ trợ đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh về chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao tầm vóc, cải thiện sức khỏe về thể chất và tinh thần, tuổi thọ người DTTS và phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em. Quan tâm bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ y tế, dân số là người DTTS, hướng dẫn đồng bào tiếp cận tốt các dịch vụ y tế hiện đại, phòng, chống dịch bệnh hiệu quả, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

1.8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ đảm bảo mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược công tác dân tộc; các Chương trình mục tiêu quốc gia; các chính sách hỗ trợ đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh về giảm nghèo bền vững, phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng đồng bào DTTS; hỗ trợ đồng bào tiếp cận thuận lợi với thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho thanh niên lao động là người DTTS.

1.9. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ đảm bảo mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược công tác dân tộc; các Chương trình mục tiêu quốc gia; các chính sách hỗ trợ đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh về công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện tốt chính sách dân tộc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS. Tăng cường công tác dạy tiếng dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức công tác trong vùng đồng bào DTTS.

1.10. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ đảm bảo mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược công tác dân tộc; các Chương trình mục tiêu quốc gia; các chính sách hỗ trợ đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh về tổng hợp nhu cầu, phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện các Chương trình vào kế hoạch 05 năm, hàng năm, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ vốn đầu tư, thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn đối ứng Chương trình và các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chính sách dân tộc có hiệu quả, đạt mục tiêu, kế hoạch.

1.11. Sở Tài chính

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn trong khả năng cân đối nguồn ngân sách.

1.12. Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Kiên Giang

Thực hiện cho vay các chính sách tín dụng đảm bảo đúng đối tượng, đúng nguyên tắc, đúng mục đích theo quy định. Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện việc kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn và trả nợ của đối tượng vay vốn, đảm bảo vốn vay được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả và khả năng thu hồi vốn vay. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh tuyên truyền chính sách, tổ chức, triển khai theo quy định.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn, chủ động huy động thêm các nguồn lực thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch. Xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn quản lý; tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác dân tộc và nội dung, nhiệm vụ của Chiến lược công tác dân tộc.

3. Trân trọng đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh. *T. Quê*

Nơi nhận:

- VPCP (A+B);
- Ủy ban Dân tộc;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh (Đảng, chính quyền, đoàn thể tỉnh);
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Liên hiệp Hội KH và KT tỉnh;
- Báo KG, Đài PT và TH KG;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Chuyên viên nghiên cứu;
- Lưu: VT, nvthanh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trung
Nguyễn Lưu Trung

